TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - T- do - Hạnh phúc**

BA số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12 / 3 / 2020
V/v : *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình- xin ly hôn"*

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám
- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Hòang Nam
2. Ông Phan Ngọc Lợi

- *Th- ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung-Th- ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- *Đại diện-Viện kiểm sát nhân dân huyện G:* Không tham gia.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G đ- a ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 449/2019/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình-xin ly hôn"* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXX-ST, ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn:* Chị L, sinh năm: 1997(có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Khánh Hòa

- *Bị đơn:* Anh T1, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T2, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị L trình bày: Chị và anh T1 kết hôn với nhau vào năm 2015, tại UBND xã T2, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2017 thì phát sinh ra mâu thuẫn và ly thân đến nay, không ai tới lui thăm nom chăm sóc nhau nữa. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con cái: Có 01 con chung tên P, sinh năm 2015, hiện chị L đang nuôi.

Về tài sản và nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T1 với tư cách là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Quan hệ giữa chị L với anh T1 là hôn nhân và gia đình, chị L xin ly hôn với anh T1 (anh T1 có nơi cư trú tại ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

- Anh T1 với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa hôm nay anh T1 vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ*". Xét thấy, anh T1 đã được cấp, tống đạt, niêm yết, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ theo khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Trọng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định của pháp luật;

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của chị L tại phiên tòa hôm nay, chị L yêu cầu là xin được ly hôn với anh T1; Về con cái có 01 con chung tên P, sinh năm 2015, hiện chị L đang nuôi, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng; Về tài sản và nợ vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với anh T1, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thực hiện đầy đủ các bước như cấp, tống đạt, thông báo và niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và được ông H1 là cha của anh T1 ký nhận và cam kết sẽ giao lại các loại văn bản tố tụng nêu trên cho anh T1 để thực hiện quyền dân sự, nhưng anh T1 cố tình tránh né, không hợp tác để giải quyết vụ việc. Điều này chứng tỏ rằng anh T1 không còn quan tâm đến gia đình, nhất là tình cảm vợ chồng, nghĩ nên cần thiết cần được chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T1 là phù hợp theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con cái: Từ cuối năm 2017, sau khi vợ chồng ly thân anh T1 không tới lui thăm nom chăm sóc con chung mà để mặc cho chị L nuôi dưỡng. Điều này chứng tỏ tình cảm của cháu P đã gắn liền với chị L, nghĩ nên tiếp tục giao cháu P, sinh năm 2015 cho chị L được tiếp tục nuôi đến trưởng thành, do chị L không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, nghĩ nên miễn xét.

- Về tài sản và nợ: Miễn xét.

- Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Báo cho các đương sự biết để thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- □p dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khỏan 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về Quan hệ hôn nhân: - Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T1.

2. Về con chung: Xử giao cháu P, sinh năm 2015 cho chị L được tiếp tục nuôi đến trưởng thành, anh T1không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về tài sản và nợ: Miễn xét

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007951, ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 12 tháng 3 năm 2020; Anh T1 được quyeàn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhân:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Phòng T- pháp GR:
- Đương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

LÊ VĂN TÁM